

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2019

V/v Ly hôn, con chung
giữa anh T, chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HH - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 05-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31-10-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 11, xã Hải Vân, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 11, xã Hải Vân, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh T, vắng mặt chị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải Vân, huyện HH, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09-10-2012. Vợ chồng đến với nhau trong hoàn cảnh hai người đã có vợ, có chồng nhưng đều đã chết. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà riêng của anh T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Tháng 8-2019 chị H đã đẻ 02 con nhỏ cho anh T nuôi dưỡng và đi ra tỉnh Quảng Ninh làm kinh tế từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Lương Thị Thương H, sinh ngày 27-11-2013 và cháu Lương Sao B, sinh ngày 27-11-2016, hiện cả hai con chung đang do anh T nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của anh T xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Lương Văn T trình bày vợ chồng có 01 xe mô tô NOZA trị giá khoảng 24.000.000đ, anh T đề nghị để cho chị H sở hữu, sử dụng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11-9-2019 và bản tự khai ngày 16-9-2019, bị đơn chị Trần Thị H có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H cách đây khoảng 4 năm, bố mẹ đẻ chị H có chia đất cho anh em trai trong gia đình nhưng không chia đất cho chị H, từ đó anh T giận không đến nhà bố mẹ đẻ chị H và tìm cơ để đánh chửi chị H nhiều lần, có lần đánh gây thương tích chị đã phải vào Bệnh viện huyện HH điều trị thương tích và anh T đã bị Công an xã Hải Vân xử lý bằng pháp luật. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng vì chị đang đi làm kinh tế ở xa, chị không có nhà cửa cũng như không có thu nhập ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T.

Về tài sản chung. Chị H xác nhận vợ chồng có 02 đồng hồ côn, 01 xe mô tô nhãn hiệu NoZa nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Lương Văn T ly hôn với chị Trần Thị H. Về con chung, giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Lương Văn T và chị Trần Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Vân, huyện HH, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 09-10-2012. Do trong cuộc sống vợ chồng tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Tháng 8 năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên anh T đề nghị xin được ly hôn, chị H đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Văn T và chị Trần Thị H thì thấy: Trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau, đến nay anh T và chị H đã sống ly thân, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh Lương Văn T và chị Trần Thị H có 02 con chung là cháu Lương Thị Thương Hoài, sinh ngày 27-11-2013 và cháu Lương Sao Băng, sinh ngày 27-11-2016, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng

của anh T xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị H không có nguyện vọng nuôi con và từ chối cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh T thì thấy: Cháu Hoài và cháu Băng hiện đang do anh T nuôi dưỡng, anh T có nhà đất riêng, có nghề nghiệp và thu nhập ổn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của 02 cháu cần tiếp tục giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị H được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc chị H thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị H có một số tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết, vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Lương Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lương Văn T và chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lương Thị Thương H, sinh ngày 27-11-2013 và cháu Lương Sao B, sinh ngày 27-11-2016 cho anh Lương Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lương Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001807 ngày 11-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HH;

anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện HH: 1 bản;
- UBND xã Hải Vân: 01 bản;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

Vũ Văn Ái